



## CÁC CƯỜNG QUỐC MỚI NỔI TRỖI DẬY NHƯ THẾ NÀO?

**Nguồn:** Andrew F.Hart & Bruce D.Jones (2010). "How Do Rising Powers Rise?", *Survival: Global Politics and Strategy*, Vol. 52, No.6, pp. 63-88.

**Biên dịch và Hiệu đính:** Nguyễn Thùy Anh & Phan Thị Phương Thảo

Có một vài khoảnh khắc trong chính trị quốc tế khi mà sự thay đổi quyền lực đặc biệt có tính then chốt. Điều này đã xảy ra một lần vào năm 1990 với sự sụp đổ đột ngột của Liên bang Xô Viết. Và một lần khác có thể chính là thời đại của chúng ta hiện nay, thời kì này được mở ra bằng sự "dàn sức quá mức" của Mỹ và "sự trỗi dậy của phần còn lại", tất cả cộng lại đã làm thay đổi cân bằng ảnh hưởng trên toàn cầu. Một số nhà phân tích dự đoán về một "thế giới hậu Mỹ"<sup>1</sup> hay sử dụng thuật ngữ "vô cực"<sup>2</sup> để mô tả một thế giới mà khoảnh khắc đơn cực của Mỹ đã trôi qua và không có một trung tâm quyền lực nào tồn tại thế vào vị trí đó. Những nhà phân tích khác tập trung vào sự vươn mình của một số quốc gia hay khu vực nhất định, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ.<sup>3</sup> Một số sự trỗi dậy mang tính cấu trúc, mà trở trêu thay lại được củng cố bởi những cam kết của Mỹ đối với một trật tự tự do mà trong đó các quốc gia đang trỗi dậy được lợi rất nhiều. Không nghi ngờ gì khi một số sự trỗi dậy khác đã được phóng đại: thực tế là nền kinh tế Mỹ vẫn lớn hơn khoảng gấp ba lần của Trung Quốc, mặc cho người ta vẫn đề cập đến nhóm G2 gồm Washington và Bắc Kinh. Tuy nhiên, bản chất vai trò của Mỹ trong trật tự toàn cầu dường như đã bị thay đổi.

<sup>1</sup> Fareed Zakaria, *The Post-American World* (New York: Norton, 2008).

<sup>2</sup> Richard Haass, 'The Age of Nonpolarity: What Will Follow U.S. Dominance?', *Foreign Affairs*, vol. 87, no. 3, Tháng 5-6/2008, tr. 44-56.

<sup>3</sup> Kishore Mahbubani, *The New Asian Hemisphere: The Irresistible Shift of Global Power to the East* (New York: PublicAffairs, 2008).

Sự thích nghi của Mỹ đối với sự thay đổi này cho tới bây giờ là nhanh chóng và hòa bình. Khủng hoảng tài chính toàn cầu đã khiến tổng thống Mỹ George Bush và sau đó là tổng thống Obama lôi kéo các lãnh đạo của nhóm G20 vào một giải pháp mang tính phối hợp. Nói ngắn gọn, nhóm G8 được thay bằng nhóm G20 với tư cách là một thể chế tài chính toàn cầu hàng đầu, một dấu hiệu rõ ràng cho thấy sự chấp nhận của phương Tây đối với vai trò của các cường quốc đang lên. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng cũng khiến thái độ của các cường quốc đang trỗi dậy trở nên cứng rắn hơn với sự lãnh đạo của Mỹ. Đàm phán Copenhagen về khí hậu cho thấy rằng các cường quốc đang trỗi dậy không đơn giản chỉ đồng ý với các thỏa thuận được Mỹ đưa ra. Động thái của Brazil-Thổ Nhĩ Kỳ nhằm ngăn cản Mỹ kêu gọi cấm vận đối với Iran đã thể hiện rõ hậu quả tiềm ẩn từ sự quyết đoán mới của những chủ thể này. Cửa sổ cơ hội đi kèm với khủng hoảng tài chính và chào đón nhiệm kỳ của ông Obama có thể đang khép lại. Bất chấp điều đó, hai sự kiện trên đủ để khẳng định mối quan hệ giữa chiến lược của Mỹ (hoặc ở một mức độ nào đó là Châu Âu) với các cường quốc đang trỗi dậy sẽ sớm định hình trật tự thế giới trong kỷ nguyên này.

Liệu sự trỗi dậy của các nước còn lại có làm xuất hiện một trật tự thế giới cân bằng mà nhiều cường quốc trỗi dậy đang tìm kiếm hay không? Có thể chắc chắn rằng, sự trỗi dậy này có thể mang lại một khối lượng tài sản, tài năng và năng lực lớn hơn để giải quyết những vấn đề toàn cầu và các mối đe dọa trong khu vực và xuyên quốc gia. Sự trỗi dậy này sẽ tạo ra một trật tự phức tạp nhưng tương đối hòa hợp mà theo đó các quốc gia hợp tác trong những lĩnh vực mà họ có thể và hạn chế những khác biệt trong các lĩnh vực mà họ không thể hợp tác. Hoặc liệu cạnh tranh về tài nguyên sẽ làm cản trở sự hợp tác tài chính và hợp tác chính trị tiềm năng không? Liệu những tính toán sai lầm, sự không chắc chắn và không tin tưởng sẽ tạo ra một kỷ nguyên mới đầy hỗn loạn và xung đột? Các cường quốc mới nổi sẽ tạo điều kiện, đi theo hay phá hỏng nỗ lực của Mỹ nhằm duy trì một trật tự toàn cầu ổn định? Và liệu nước Mỹ - và đặc biệt là Quốc hội Mỹ - có tiếp tục ủng hộ sự thay đổi trật tự này hay không? Những câu trả lời cho các câu hỏi này đòi hỏi một sự tìm hiểu sâu sắc hơn về bản chất sự ảnh hưởng của các cường quốc mới nổi trong các hệ thống toàn cầu và những tác động của cách mà họ phản ứng với một loạt những chức năng lãnh đạo của Mỹ. Thay vì xây dựng những cực thay thế và ngăn chặn các nỗ lực của Mỹ, thì các chiến lược mặc cả và cân bằng phức tạp lại xuất hiện và chiếm ưu thế cho tới ngày nay. Trong khi điều này mang tính tích cực hơn là việc tồn tại các cực thay thế thì vẫn tồn tại nguy cơ xuất hiện tính toán sai lầm và những hậu quả nghiêm trọng ngoài mong muốn cho trật tự thế giới.

## Chân dung một cường quốc đang trỗi dậy

Việt Trung Quốc và Ấn Độ giữ một vị trí quan trọng hơn trong các cuộc tranh luận về chính trị trên toàn cầu so với trước đây là một hiện tượng đáng chú ý; và tương tự, việc Brazil, Nga, các quốc gia vùng Vịnh và Nam Phi có một phần quyền lực nhất định trong phạm vi khu vực, và cũng có đôi lần có thể có ảnh hưởng đến chính trị toàn cầu, cũng đáng đáng chú ý như Trung Quốc và Ấn Độ. Thế nhưng, ngoài lĩnh vực kinh tế, nền tảng của sức mạnh đó vẫn chưa được hiểu rõ.

Khái niệm các cường quốc đang trỗi dậy đã bao hàm một số điểm chung. Nhưng những điểm đó là gì? Hiện tại, chưa có một định nghĩa nào về một cường quốc đang nổi lên hay trỗi dậy được chấp nhận một cách phổ biến.<sup>4</sup> Điều này đã làm hỏng các nỗ lực đưa ra một quan điểm chung, đặt ra sự nghi ngờ đối với tính hữu ích của việc đối xử với các quốc gia này như là một khối.<sup>5</sup>

Nét tương đồng duy nhất rõ ràng là sự gia tăng sức mạnh về mặt kinh tế. Thuật ngữ "BRICS" được đưa ra tại báo cáo Goldman Sachs năm 2003, dùng để chỉ những nền kinh tế Brazil, Liên Bang Nga, Ấn Độ và Trung Quốc.<sup>6</sup> Sự lớn mạnh của những quốc gia này trong nền kinh tế toàn cầu đã (và vẫn đang) được tin tưởng là sẽ có tiềm năng định hình lại kinh tế thế giới và bối cảnh chính trị của thế kỷ 21.<sup>7</sup> Từ khi được xác định lần đầu tiên, nhóm BRIC đã trải qua nhiều lần hoán đổi vị trí, đôi khi còn được nhắc đến là BRICS, với chữ "S" biểu thị cho Nam Phi (South Africa), hoặc được nhắc đến là BRICSAM để chỉ bao gồm cả Nam Phi và Mexico. Tương tự như vậy, diễn đàn IBSA (Ấn Độ, Brazil, Nam Phi) cũng đã nổi lên như một nhóm riêng lẻ đang ngày càng hướng đến giải quyết các mối quan tâm về an ninh. Gần đây nhất, cuộc đàm phán về khí hậu tại Copenhagen đã chứng kiến sự nổi lên của nhóm BASIC (Brazil, Nam Phi, Ấn Độ và Trung Quốc), nhóm tập hợp các quốc

---

<sup>4</sup> Tất nhiên, điều này bị phức tạp hóa bởi thực tế là không có định nghĩa nào về "cường quốc" được chấp nhận chung. Như Martin Wight đã lưu ý "sẽ dễ dàng nếu trả lời những câu hỏi lịch sử... hơn là đưa ra một định nghĩa, vì thường có những đồng ý chung về các cường quốc hiện hành". Xem Martin Wight, *Power Politics* (Harmondsworth: Penguin, 1944), tr. 41. Hầu hết các học giả quan hệ quốc tế dựa vào định nghĩa cho rằng cường quốc "là quốc gia sở hữu sức mạnh quân sự đủ để tiến hành một cuộc chiến thực sự vượt xa chiến tranh thông thường chống lại quốc gia hùng mạnh nhất trên thế giới". Xem John J. Mearsheimer, *The Tragedy of Great Power Politics* (New York: Norton, 2001), tr.5.

<sup>5</sup> The BRICS: The Trillion-Dollar Club', *Economist*, 15/04/2010, [http://www.economist.com/node/15912964?story\\_id=15912964](http://www.economist.com/node/15912964?story_id=15912964)

<sup>6</sup> Dominic Wilson and Roopa Purushothaman, 'Dreaming With BRICS: The Path to 2050', Goldman Sachs Global Economics Paper No. 99, Tháng 10/2003.

<sup>7</sup> Nga khá là khác biệt trong lĩnh vực này. Ở mức độ lớn hơn rất nhiều so với những nước trong nhóm BRICS, sức mạnh kinh tế của Nga được thúc đẩy bởi trữ lượng năng lượng khổng lồ. Số liệu gần đây cho thấy gần 30% GDP của Nga phụ thuộc vào lĩnh vực năng lượng. Giả sử rằng Nga không thể đạt được tiến triển trong việc đa dạng hóa nền kinh tế, khả năng của Nga trong việc triển khai sức mạnh trong tương lai sẽ phụ thuộc nặng nề vào lợi nhuận có được từ xuất khẩu năng lượng. Xem International Energy Agency, *World Energy Outlook 2009* (Paris: OECD/IEA, 2009)

gia đang nổi lên, ngoại trừ Liên bang Nga. Nhưng trong khi tiềm năng tăng trưởng kinh tế cao là nhân tố thúc đẩy cho những quốc gia này trỗi dậy thì liệu bản thân nhân tố này có đủ mạnh để bảo đảm cho việc gộp những quốc gia này thành một khối? Liệu sự trỗi dậy của Trung Quốc có là một hiện tượng khác biệt so với của Ấn Độ hay Brazil để đảm bảo rằng Trung Quốc phải được đối xử khác biệt?

Trong một bài báo trên tạp chí *International Affairs* vào năm 2006, Andrew Hurrell đưa ra bốn lý do bổ sung để nhìn nhận những quốc gia này dưới cùng một góc độ.<sup>8</sup> Đầu tiên, bên cạnh sức mạnh kinh tế ngày càng gia tăng, tất cả các nước này đều có một trình độ tương đối cao ít nhất là về tiềm năng quân sự và các nguồn lực sức mạnh chính trị, có sự gắn kết nội bộ ở một mức độ hợp lý và một vài khả năng đóng góp cho sự hình thành của một trật tự quốc tế mới. Thứ hai, mỗi nước đều khát khao muốn có một vai trò nhiều ảnh hưởng hơn trong các vấn đề toàn cầu. Brazil đã đóng vai trò ngày càng tăng trong khu vực của mình về những vấn đề xây dựng nhà nước, dễ thấy nhất là tại Haiti, và cũng đã có những bước đi nhất định để giải quyết các vấn đề xoay quanh an ninh lương thực và nhiên liệu sinh học. Ấn Độ từ lâu đã là nước đóng góp quân đội chủ yếu cho các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc, và mới đây đã đóng vai trò lớn trong việc hỗ trợ sự phục hồi và tái kiến thiết các quốc gia bất ổn và bị nội chiến tàn phá nằm ở biên giới phía bắc của Ấn Độ, đặc biệt là Nepal. Một Trung Quốc mạnh mẽ hơn cũng thường xuyên được nhìn nhận là có khả năng đóng góp cho việc giải quyết các vấn đề toàn cầu.<sup>9</sup> Dù những đóng góp của quốc gia này cho đến nay vẫn còn lẻ tẻ, nhưng Bắc Kinh đang tăng cường tham gia vào các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc, và mặc dù không hoàn toàn mang tính xây dựng nhưng Trung Quốc cũng đã đóng vai trò dẫn dắt trong vấn đề biến đổi khí hậu. Sau khi thừa nhận sự thiếu hụt năng lực ban đầu, Trung Quốc cũng đã đưa ra những lập trường kịp thời và chủ động trong việc ngăn ngừa dịch bệnh.<sup>10</sup>

Các cường quốc đang trỗi dậy cũng đã có tiếng nói lớn hơn và có sức thuyết phục hơn trong các vấn đề được đặt ra tại các thể chế quốc tế như Tổ chức Thương Mại Thế giới (WTO) hay Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), và những ảnh hưởng của họ cũng được nhìn thấy là đã gia tăng tại các tổ chức khu vực như các cấu trúc của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Tổ chức các Quốc gia châu Mỹ

---

<sup>8</sup> Andrew Hurrell, 'Hegemony, Liberalism and Global Order: What Space for Would-be Great Powers?', *International Affairs*, vol. 82, no. 1, Winter 2006, tr. 1–19.

<sup>9</sup> Zhang Yunling and Tang Shiping, 'A More Self-Confident China Will Be a Responsible Power', *Straits Times*, 2/10/2002.

<sup>10</sup> Melo Caballero-Anthony, 'Nontraditional Security and Multilateralism in Asia', in Michael J. Green and Bates Gill (eds), *Asia's New Multilateralism: Cooperation, Competition, and the Search for Community* (New York: Columbia University Press, 2009), tr. 306–28.

(OAS). Trong một số trường hợp, họ có thể tạo ra một thể chế khu vực mới, như là Liên minh các quốc gia Nam Mỹ (UNASUR) ở Mỹ Latinh, hoặc tái thiết kế và tiếp thêm sinh lực cho các tổ chức hiện có, ví dụ như Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO).

Các cường quốc đang trỗi dậy cũng tăng cường sử dụng ảnh hưởng của mình để thách thức tính chính đáng của trật tự sau Thế chiến II, thay vào đó kêu gọi những khái niệm đa nguyên hoặc đa cực. Lấy ví dụ, Trung Quốc từ lâu đã thuộc phe điều hòa trong vấn đề chủ quyền, thường phản đối quan điểm cho rằng can thiệp với mục đích nhân đạo là hợp pháp. Mô hình chủ nghĩa tư bản chuyên chế của Trung Quốc cũng ngày càng trở thành một ý thức hệ xuất khẩu, thách thức mô hình tự do của Mỹ. Ấn Độ, mặc dù liên kết với Washington trong nhiều lĩnh vực (gần đây nhất là trong vấn đề công nghệ hạt nhân), và đã làm sâu sắc mối quan hệ kinh tế song phương với Mỹ, nhưng cũng đã nhiều lần thể hiện thái độ đối lập. Ấn Độ thường chỉ trích hệ thống kinh tế (của Mỹ) mà nước này cho rằng lấn át các chương trình nghị sự về phát triển. Nước này nhìn chung cũng phản đối nghị trình can thiệp nhân đạo<sup>11</sup> và đã công khai kêu gọi quay trở lại với một trật tự chính trị hợp lý và công bằng hơn.<sup>12</sup> Nam Phi đã dùng sức mạnh của mình trong nội khối châu Phi để khuếch trương ngoại giao của mình trong các thể chế đa phương như Liên Hợp Quốc, đóng cả vai trò quan trọng trong các cuộc đàm phán tại Đại Hội đồng (như trong suốt quá trình chuẩn bị cho Hội nghị thượng đỉnh Thế giới 2005) và cả vai trò cản trở (chủ yếu là trong Hội Đồng Bảo An của Liên Hợp Quốc). Brazil có thể khẳng định mình trước hết trong lĩnh vực thương mại và năng lượng, nhưng ngoại giao đa phương của nước này trong Liên Hợp Quốc và các dàn xếp an ninh lại tụt xa so với các cường quốc đang trỗi dậy khác.

Thứ ba, quan hệ giữa các cường quốc đang trỗi dậy này đang trở nên sâu sắc, cả song phương và trong các thể chế khu vực cũng như quốc tế. Quan hệ kinh tế của Trung Quốc với Ấn Độ, Nam Phi và Brazil đang tăng trưởng sâu sắc hơn một cách đáng kể. Các cuộc tập trận quân sự giữa các cường quốc đang trỗi dậy cũng tăng lên. Mặc dù xích mích cũng đôi lúc xảy ra, các cường quốc đang trỗi dậy đã tìm cách làm giảm những điểm bất đồng để tránh sự xuất hiện của những cuộc khủng hoảng lớn.<sup>13</sup> Tại các thể chế khu vực, các diễn biến gần đây bao gồm sự hợp

---

<sup>11</sup> C. Raja Mohan, *Crossing the Rubicon: The Shaping of India's New Foreign Policy* (New York: Palgrave Macmillan, 2003), tr. 64.

<sup>12</sup> Steve Cohen, *India: Emerging Power* (Washington DC: Brookings Institution Press, 2001), tr. 55–7.

<sup>13</sup> Ví dụ, Trung Quốc và Ấn Độ không hề để những tranh chấp lãnh thổ lâu đời leo thang thành đụng độ cấp độ thấp trong những năm gần đây.

tác Nga – Trung trong SCO, sự xuất hiện của liên minh G20 trong WTO,<sup>14</sup> và hợp tác an ninh sâu sắc hơn – mặc dù vẫn có sự đề phòng - trong các cấu trúc ASEAN các diễn đàn khu vực khác. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu vắng một sự thảo luận rộng rãi hơn giữa các cường quốc mới nổi về vai trò và trách nhiệm của họ trong hệ thống quốc tế.

Cuối cùng, có một sự khác biệt giữa đa số các cường quốc mới nổi với các “cường quốc hạng trung” phương Tây khác. Không giống như Canada, Nhật Bản hay các nước châu Âu, các cường quốc đang trỗi dậy không bao giờ hội nhập vào trật tự hậu 1945 một cách hoàn toàn. Việc đứng từ ngoài nhìn vào đã định hình rất nhiều các lợi ích chiến lược cũng như việc nhận thức các mục đích quốc gia của các cường quốc đang trỗi dậy này.<sup>15</sup>

Bất chấp những điểm chung này, vẫn tồn tại các lý do đáng kể để nghi ngờ rằng mỗi quốc gia này đều có thể xứng đáng với danh hiệu cường quốc đang trỗi dậy. Lấy Nga, nước dường như nằm ngoài rìa nhóm BRICS làm ví dụ. Mặc dù đôi khi được coi là cường quốc đang trỗi dậy (chủ yếu là nhờ nguồn năng lượng) nhưng khoảng thời gian kể từ khi Liên Xô sụp đổ đã là thời kì đi xuống đối với nước này.<sup>16</sup> Những chỉ số rõ ràng không cho thấy quỹ đạo đi lên của quyền lực và ảnh hưởng của Nga, mà theo hướng ngược lại. Hơn hai năm đã trôi qua kể từ khi Nga tấn công Gruzia. Nhiều nhà quan sát Nga xem cuộc tấn công này như một “sự hồi sinh trong phút chốc” của quyền lực Nga hơn là sự tái xuất hiện của một nước Nga cứng rắn có khả năng tái tạo một mạng lưới các nước vệ tinh Đông Âu. Dân số nước Nga đang giảm ở tỉ lệ 4% (*nguyên văn- NBT*) một năm, và xu hướng này vẫn đang tiếp tục, đến năm 2050 có khả năng dân số sẽ giảm xuống dưới 120 triệu dân so với quy mô hiện tại là 140 triệu dân.<sup>17</sup> Nền kinh tế của Nga, dù vẫn được dự báo là tăng trưởng từ trung hạn đến dài hạn nhưng đã bị giáng một đòn mạnh bởi sự suy sụp kinh tế toàn cầu gần đây. Khu vực tài chính của Nga đã bị thiệt hại bởi các phản ứng của giới kinh doanh quốc tế đối với chủ nghĩa phiêu lưu của nước này tại Gruzia. Nga vẫn phụ thuộc rất nhiều vào xuất khẩu khí đốt, và tương lai cho việc đa

---

<sup>14</sup> Mọi người nên tránh nhầm lẫn giữa G20 và “G20 WTO”. “G20” được thành lập vào năm 1999 như một diễn đàn các bộ trưởng tài chính của những quốc gia tiên tiến và đang phát triển; mục tiêu là ổn định thị trường tài chính toàn cầu sau khủng hoảng châu Á 1997. Vào thời điểm Thượng đỉnh Pittsburgh năm 2009, G20 thực tế đã thay thế cho G7, với tư cách là một thể chế hàng đầu mà thông qua đó những nhà lãnh đạo quốc gia có thể nhóm họp giải quyết các vấn đề tài chính và kinh tế toàn cầu đang gây nhức nhối. Ngược lại, “G20 WTO” tồn tại như một liên minh các quốc gia đang phát triển trong G20, nổi lên trước cuộc họp bộ trưởng năm 2003 ở Cancun để phản ứng (trong hầu hết các trường hợp là cản trở) với hàng loạt đề xuất của phương Tây.

<sup>15</sup> Hurrell, ‘Hegemony, Liberalism and Global Order’

<sup>16</sup> Neil McFarlane, ‘The “R” in “BRICs”’, *International Affairs*, vol. 82, no. 1, Winter 2006, tr. 41–57.

<sup>17</sup> United Nations, Department of Economic and Social Affairs, Population Division, *World Population Prospects: The 2008 Revision* (New York: United Nations, 2009).

dạng hóa dường như rất mong manh. Lịch sử kinh tế của Nga từ đầu những năm 1990 cũng không đưa ra nhiều bằng chứng cho thấy Nga có thể đối phó thích đáng với những rủi ro của toàn cầu hóa. Hệ thống chính trị của Nga vẫn còn cứng nhắc và thường không đáp ứng được các nhu cầu xã hội. Trong khi năng lực quân sự thông thường của Nga vẫn tương đối mạnh, thì khả năng quân sự của họ sẽ yếu đi vì sự sụt giảm dân số. Cuối cùng, Nga đã thất bại trong việc dẹp yên chủ nghĩa cực đoan ở vùng ngoại vi của mình, và việc tái xuất hiện chủ nghĩa khủng bố thánh chiến gần đây đã bắt đầu xâm nhập vào vùng lãnh thổ cốt lõi của Nga.

**Bảng 1: Chỉ số quân sự 2009**

Quốc gia	Chi phí quân sự (tỷ Đô la Mỹ)	Phần trăm so với chi phí quân sự thế giới	Chi phí quân sự tính theo phần trăm GDP
Mỹ	661	43	4,3
Trung Quốc	100*	6,6	2,0*
Pháp	63,9	4,2	2,3
Anh	58,3	3,8	2,5
Nga	53,3*	3,5*	3,5*
Nhật	51	3,3	0,9
Đức	45,6	3	1,3
Á-rập	41,3	2,7	8,2
Ấn Độ	36,3	2,4	2,6
Ý	35,8	2,3	1,7
Brazil	26,1	1,7	1,5

Nguồn: SIPRI Yearbook 2010

\* Ước lượng

## Nền tảng của sức mạnh

Tuy nhiên, những gì thấy được từ ví dụ của nước Nga không có nghĩa rằng việc gom các nước này thành một nhóm các cường quốc đang trỗi dậy là sai hay là một quan niệm không có triển vọng, mà vấn đề là đã tồn tại đủ lý do để cần có sự nghiên cứu sâu hơn về quỹ đạo ảnh hưởng của những nước này. Khởi đầu là, làm thế nào để đo lường được tầm ảnh hưởng của một cường quốc đang trỗi dậy? Sức mạnh quốc gia, thông thường, được hiểu theo ba cấp độ: (1) sức mạnh vật chất; (2) khả năng của quốc gia, thông qua các quy trình quốc gia, nhằm huy động sức mạnh này từ xã hội trong nước và sử dụng chúng cho những mục đích chính trị nhất định; và (3) sự ảnh hưởng đến kết quả.<sup>18</sup> Khía cạnh thứ 3 là khía cạnh mơ hồ nhất khi nghiên cứu các cường quốc đang nổi lên vì nó còn tùy thuộc vào các nhân

<sup>18</sup> Tellis et al., *Measuring National Power in the Postindustrial Age*.

tổ trong từng trường hợp cụ thể. Sự hữu dụng của sức mạnh còn phụ thuộc vào mục đích của nó, vào mục tiêu mà nó nhắm đến.<sup>19</sup>

**Bảng 2: Chỉ số kinh tế 2009**

Quốc gia	GDP, tỷ giá hiện tại (tỷ Đô la Mỹ)	GDP bình quân đầu người, tỷ giá hiện tại	Phần trăm GDP của thế giới (PPP)
Liên minh châu Âu	16.447,26	31.963,40	15,08
Mỹ	14.119,05	45.934,47	20,42
Nhật	5.068,89	39.740,27	5,96
Trung Quốc	4.984,73	3.734,61	12,56
Brazil	1.574,04	8.220,36	2,88
Ấn Độ	1.236,94	1.031,59	5,05
Nga	1.231,89	8.681,41	3,02
Mexico	874,81	8.133,87	2,1
Nam Phi	287,22	5.823,58	0,72
UAE	223,87	45.614,54	0,26

Nguồn: IMF World Economic Outlook Database

Hầu hết các chỉ số sức mạnh là tổng hợp của các chỉ số cơ bản về kinh tế, quân sự, địa lý và khoa học. Các chỉ số này cho thấy tồn tại điều gì đó giống với một hệ thống phân tầng có thể nhận biết được của sức mạnh quốc gia. Ví dụ, bảng số 1-3 chỉ ra rằng một nhóm nhỏ các quốc gia rõ ràng đang chiếm ưu thế so với phần còn lại về chi phí quân sự, sức mạnh kinh tế và các phương pháp khoa học và sức mạnh công nghệ. Điều này cho thấy để trở thành cường quốc đang trỗi dậy, một quốc gia phải có con đường phát triển rõ ràng trong các lĩnh vực này, nếu không có sự tăng trưởng mạnh về kinh tế và tiềm năng trong việc tạo ra lực lượng quân sự mạnh thì quốc gia đó sẽ không thể cạnh tranh về địa chính trị và quân sự với những quốc gia mạnh nhất trong hệ thống quốc tế.

Tuy nhiên, liệu đây có phải là một lăng kính hữu dụng mà thông qua đó ta có thể hiểu được sức mạnh hiện thời? Đầu tiên, ít nhất, hầu hết các chỉ số sức mạnh đều hàm ý rằng mục đích cuối cùng của sức mạnh quốc gia là để tự bảo vệ chính quốc gia đó trong chiến tranh. Trong khi đôi lúc khả năng tiến hành chiến tranh là tiêu chuẩn cuối cùng của sức mạnh quốc gia, thì các cường quốc đang trỗi dậy thường không biết lượng sức mình khi bị thúc đẩy bởi một môi trường an ninh đầy rẫy những thách thức an ninh xuyên quốc gia.

Thứ hai, những chỉ số này không chỉ đưa ra rất ít những hiểu biết về sức mạnh của quốc gia trong việc tác động tới nhiều vấn đề khác nhau, mà còn dẫn

<sup>19</sup> Như trên.



đến những dự đoán sai lầm về việc quốc gia nào sẽ chi phối các cuộc đàm phán trong các vấn đề quan trọng. Mỗi liên hệ nhân quả giữa tiềm năng vật chất và sức mạnh tác động đến kết quả cụ thể từ lâu đã được công nhận là hiếm khi nào tiếp cận được gần đến tỉ lệ 1:1. Điều này được gọi là “nghịch lý của quyền lực chưa được hiện thực hóa”.<sup>20</sup> Việc không thể chuyển đổi những nguồn lực thành kết quả đôi khi được giải thích là do sử dụng sai sức mạnh hay bởi thiếu kĩ năng thương thuyết hay ý chí, nhưng một cách giải thích hợp lý hơn có lẽ là phải thừa nhận rằng nhiều khía cạnh của sức mạnh không thể chuyển hóa (thành quyền lực thực tế) trong tất cả hay thậm chí hầu hết các khuôn khổ chính sách. Nước Mỹ vẫn có sự dẫn đầu về GDP, năng lực quân sự và sự đổi mới một cách vượt trội. Tuy nhiên, quá chú trọng đến những nhân tố này sẽ dẫn đến sự kỳ vọng rằng các cường quốc lâu đời sẽ vẫn có thể áp chế được các cường quốc đang trỗi dậy khi thương lượng về hầu hết các lĩnh vực vấn đề. Nhưng đây là điều đáng ngờ trên thực nghiệm. Nghịch lý của quyền lực chưa được hiện thực hóa do đó bắt nguồn từ giả định rằng hầu hết các dạng sức mạnh sẽ có thể chuyển dịch được từ lĩnh vực vấn đề này sang lĩnh vực vấn đề khác, nhưng điều này thường không đúng trên thực tế.<sup>21</sup>

**Bảng 3: Chỉ số khoa học và công nghệ 2007**

Quốc gia	Xuất khẩu công nghệ cao (triệu đô la Mỹ)	Chi tiêu cho R&D (phần trăm trong GDP)	Số đơn xin cấp bằng sáng chế được nộp
Liên minh châu Âu	440.799	2,01	135.789
Trung Quốc	336,998	1,42	245.107
Mỹ	228,665	2,61	456.154
Nhật Bản	121,425	3,4	396.987
Singapore	105,549	2,61	9.455
Brazil	9,295	0,82	24.074
Ấn Độ	4,944	0,69	24.505
Nga	4,144	1,08	30.435
Nam Phi	1,859	0,92	5.781
UAE	23	Không có số liệu	Không có số liệu

Nguồn: World Bank World Development Indicator Database

Hiện tại, bất chấp những khoảng cách hiện có – mặc dù có vẻ như đang thu hẹp – về sức mạnh kinh tế, sức mạnh quân sự và sự đổi mới, các cường quốc đang trỗi dậy vẫn có thể sử dụng ảnh hưởng một cách đầy đủ. Thực tế này khá gây bối rối. Số liệu sức mạnh cơ bản cho thấy rằng còn quá sớm để tuyên bố thế giới đa cực là

<sup>20</sup> David Baldwin, 'Power Analysis and World Politics: New Trends Versus Old Tendencies', *World Politics*, vol. 31, no. 2, tháng 1/1979, tr. 161–94.

<sup>21</sup> Như trên

một hiện thực. Nhưng nếu một thế giới đa cực vẫn còn quá xa thì làm thế nào mà các cường quốc đang trỗi dậy lại có thể gây khó dễ cho các cường quốc lâu đời vượt trên những gì mà các số liệu dự đoán? Làm thế nào các cường quốc đang trỗi dậy có thể ảnh hưởng đến kết quả trong các vấn đề mà các cường quốc lâu đời có lợi ích to lớn, chưa tính đến các lợi ích sống còn?

**Bảng 4: Lượng khí thải CO<sub>2</sub> năm 2006**

Quốc gia	Lượng CO <sub>2</sub> (ngàn tấn)	Lượng CO <sub>2</sub> trên đầu người (tấn)
Trung Quốc	6.538.367	4,62
Mỹ	5.838.381	19,7
Liên minh châu Âu	3.509.201	8,9
Ấn Độ	1.162.362	1,31
Nga	1.537.357	11
Nhật Bản	1.254.543	10
Canada	557.340	17,2
Nam Phi	433.527	8,59
Brazil	368.317	1,86
UAE	135.540	32,85

Nguồn: United Nations Statistics Division

Các cường quốc đang trỗi dậy đầu tiên và quan trọng nhất là trong lĩnh vực kinh tế, và tất nhiên chúng ta hiểu khá rõ khả năng của họ trong việc gây ảnh hưởng đến kinh tế và tài chính toàn cầu. Tuy nhiên, điều này lại không đúng khi áp dụng sự ảnh hưởng của các nước này trong lĩnh vực truyền thống hơn như chính sách đối ngoại. Dù sức mạnh kinh tế có thể chuyển đổi sang sức mạnh chính trị và được liên kết mạnh mẽ với sức mạnh quân sự trong dài hạn nhưng các sức mạnh này lại không phải là một. Sự thiếu vắng sức mạnh thông thường (hay truyền thống – conventional power) của các cường quốc đang trỗi dậy có thể sẽ khiến các nước này trở nên ít quan trọng hơn trong lĩnh vực chính sách đối ngoại. Nhưng điều này thường bị nhầm lẫn với với ba điều sau: trọng lượng về kinh tế, chính trị và quân sự trong khu vực của các cường quốc đang trỗi dậy thường cho phép họ cản trở các cường quốc (lâu đời) trong các vấn đề địa chính trị lớn; các cường quốc đang trỗi dậy đã có ảnh hưởng đa phương đáng kể; và bản chất mục tiêu của chính sách đối ngoại Mỹ hiện tại đang tạo lợi thế so sánh về chính trị cho các cường quốc đang trỗi dậy.

Sự ảnh hưởng mang tính thứ bậc của các cường quốc đang trỗi dậy thể hiện mạnh nhất trong các vấn đề biến đổi khí hậu. Thực tế là Trung Quốc đã vượt qua Mỹ trở thành nước thải ra khí carbon nhiều nhất trên thế giới, và lượng khí carbon

thải ra của Mỹ và Trung Quốc lớn gấp đôi của bất kì một nước riêng lẻ nào và cao hơn EU khoảng 60% (xem bảng 4), điều đó có nghĩa là thành công của hội nghị thượng đỉnh về khí hậu ở Copenhagen trong tháng 12 vừa qua cuối cùng phụ thuộc vào thiện chí của những nhà đàm phán Mỹ và Trung Quốc trong việc kí kết một thỏa thuận. Nếu không có sự tán thành của hai quốc gia này, không một hiệp định về khí hậu nào có thể tạo ra được một phạm vi tác động cần thiết để có được một kết quả vững chắc. Điều này trực tiếp chỉ ra khả năng của Trung Quốc trong việc có thể phá hỏng hoặc ngăn chặn những nỗ lực của phương Tây trong vấn đề này. Vì ưu tiên của Trung Quốc từ lâu đóng khung trong việc duy trì tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội, Mỹ đã không thể nào thuyết phục, ép buộc hay mua chuộc được Trung Quốc tham gia vào một thỏa thuận mang tính ràng buộc.

**Bảng 5: Chỉ số tài chính**

Quốc gia	Cán cân thương mại (tỉ đô la)*	Cân bằng tài khoản vãng lai (phần trăm GDP)*	Cân bằng ngân sách (phần trăm trong GDP)*	Dòng vốn FDI chảy vào (triệu đô la)**	Nguồn dự trữ ngoại hối (triệu đô la)**
Mỹ	-518,4	-3	-10	45.058	666.000
Liên minh châu Âu	25,3	-0,7	-6,9	Không có dữ liệu	569.613
Nga	104,1	3,8	-7,2	70.320	417.459
Nhật Bản	34,4	2,7	-7,4	24.426	1.900.400
Trung Quốc	196,1	6,3	-3,8	108.312	2.499.560
Brazil	24,6	-1	45,058	239.587	239.587
Ấn Độ	-74,5	-0,7	-8	41.554	274.455
Nam Phi	-2,5	-5,3	-6	9.009	31.491
UAE	66,6	1,4	13,6	5.000	31.695

Nguồn: Economist Intelligence Unit

\* Dữ liệu từ cuối năm 2009

\*\* Dữ liệu từ cuối năm 2008

Một lĩnh vực khác mà trong đó các cường quốc đang trỗi dậy có sự ảnh hưởng ngày một lớn đó là lĩnh vực tài chính, được xác định rõ nhất với sự gia tăng của các quỹ đầu tư quốc gia ở Đông Á và các quốc gia vùng Vịnh, cũng như sự tích lũy đô la Mỹ của Trung Quốc (xem bảng 5 và 6). Nhưng những nước chủ nợ châu Á có ít ảnh hưởng chính trị đối với các nước đi vay. Khi xét đến tác động mang tính răn đe và ép buộc, sức mạnh tài chính thường hướng đến việc răn đe hơn là ép buộc.<sup>22</sup> Sau

<sup>22</sup> Daniel Drezner, 'Bad Debts: Assessing China's Financial Influence in Great Power Politics', *International Security*, vol. 34, no. 2, Fall 2009, pp. 7-45.

cuộc khủng hoảng tài chính, Trung Quốc có những thành công hạn chế trong việc thúc đẩy Mỹ bảo vệ giá trị của các tài sản định danh bằng đồng Đô la và bảo đảm (cho Trung Quốc) được tiếp cận với các thị trường của Mỹ. Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn có thể tiếp tục cho phép hạ giá đồng Nhân dân tệ, bất chấp những lời kêu gọi gay gắt của Mỹ. Đồng thời, Trung Quốc cũng đã có thể ngăn chặn được bất cứ sự thảo luận có ý nghĩa nào trong khuôn khổ Quỹ Tiền tệ Quốc tế về việc liệu giá trị đồng tiền Trung Quốc về cơ bản có đang bị định giá thấp hay không.<sup>23</sup> Mặc dù kể từ đó Trung Quốc đã có những bước tiến hành nhằm cho phép đồng Nhân dân tệ tăng giá nhưng vẫn chưa rõ ràng liệu quyết định này có được thúc đẩy trước hết bởi sự thất vọng chung của các lãnh đạo G20 hay bởi các cân nhắc trong nội bộ Trung Quốc. Dù ví dụ này chỉ ra khả năng đóng vai trò cản trở trong vấn đề tài chính của Trung Quốc nhưng nó cũng làm nổi bật tính dễ bị tổn thương chung mà cho đến giờ đã ngăn Bắc Kinh không đe dọa thực hiện một "lựa chọn hủy diệt" là bán tháo đồng Đô la dự trữ của mình trong một nỗ lực để ép buộc các nhà hoạch định chính sách Mỹ.

Tuy nhiên, khi gây ảnh hưởng lên các quốc gia yếu hơn, sức mạnh tài chính của Trung Quốc đã thu được lợi ích nhiều hơn chỉ là đơn thuần bảo đảm sự tiếp cận nguồn tài nguyên thiên nhiên. Do vốn và đầu tư trực tiếp của Trung Quốc xuất hiện trong nhiều lĩnh vực ở các nước đang phát triển, có thể thấy ở khắp châu Phi, vành đai Thái Bình Dương và Mỹ Latinh, các nước ở những khu vực này có xu hướng đứng về phía Trung Quốc trong hàng loạt các vấn đề chính trị khi bị ép buộc phải làm như vậy. Ví dụ, trong thời gian chuẩn bị cho Hội nghị thượng đỉnh 2005, Trung Quốc sử dụng ảnh hưởng tài chính của mình để buộc nhiều quốc gia châu Phi đứng về phía mình chống lại nỗ lực của Ấn Độ nhằm có một ghế trong Hội đồng Bảo an của Liên Hợp Quốc.

Trong các vấn đề kinh tế rộng hơn, sự nổi lên của Trung Quốc với tư cách là nền kinh tế lớn thứ hai đã làm mờ nhạt thực tế là khoảng cách giữa nước đứng đầu và đứng thứ hai vẫn còn rất rộng. Tuy nhiên, việc những cường quốc đang trỗi dậy hoạt động như một khối, với tổng GDP chiếm 16% GDP toàn cầu, đã mang lại cho các nước này vị trí thứ ba, sau EU và Mỹ. Nhưng điều này vẫn còn đánh giá thấp ảnh hưởng của các cường quốc đang trỗi dậy như Trung Quốc và Ấn Độ, và ở mức thấp hơn là Brazil, trong việc có thể gây ảnh hưởng đáng kể với nhiều quốc gia nhỏ hơn thuộc dạng đang phát triển thông qua G77, G20 trong Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và những nhóm tương tự khác. Về mặt thể chế, điều này bổ sung ảnh hưởng bầu cử đối với lập trường của họ. Phần đóng góp của nhóm BRIC vào

---

<sup>23</sup> Như trên

kinh tế toàn cầu do đó không đủ lớn để tạo thành một nhóm thiểu số có khả năng ngăn chặn, nhưng vẫn đáng kể và không thể bị lờ đi mà không phải trả giá.

**Bảng 6: Số liệu Quỹ Đầu tư Quốc gia của các quốc gia vùng Vịnh và các cường quốc đang trỗi dậy**

Quốc gia	Tên quỹ	Tài sản (Tỷ Đô la Mỹ)
UAE	Abu Dhabi Investment Authority	627
Saudi	Arabia SAMA Foreign Holdings	415
Trung Quốc	SAFE Investment Company	347,1*
Trung Quốc	China Investment Corporation	332,4
Singapore	Government of Singapore Investment Corporation	247,5
Kuwait	Kuwait Investment Authority	202,8
Trung Quốc	National Social Security Fund	146,5
Nga	National Welfare Fund	142,5*
Singapore	Temasek Holdings	133
Qatar	Qatar Investment Authority	85

Nguồn: Sovereign Wealth Fund Institute

\*Ước lượng

Trong lĩnh vực chính sách đối ngoại, ba nhân tố bổ sung giúp giải thích ảnh hưởng của các cường quốc đang trỗi dậy. Đầu tiên là quan hệ kinh tế, chính trị song phương sâu sắc mà những quốc gia này có với những nước “dễ bị tổn thương” và những nước “khó bảo”. Số liệu thương mại cho thấy rằng các cường quốc đang trỗi dậy thường ở một vị trí dễ phát huy ảnh hưởng kinh tế với các nước yếu và dễ bị tổn thương hơn là các cường quốc phương Tây (xem bảng 7). Lấy ví dụ về Zimbabwe, quốc gia mà nhiều nước phương Tây tìm cách xử phạt chế độ của ông Mugabe vì sự lạm dụng quyền con người và không chia sẻ quyền lực với phe đối lập, trong khi phe này ngày càng lớn mạnh và ngày càng có tiếng nói. Nỗ lực này đã tan tành, chủ yếu bởi việc Nam Phi không sẵn sàng có một lập trường cứng rắn. Vị thế của Nam Phi là đối tác thương mại hàng đầu của Zimbabwe chính là một ảnh hưởng đầy tiềm năng mà các chủ thể thúc đẩy các hình thức trừng phạt không có được. Không có sự đồng ý của Nam Phi thì rất ít tiếng nói của Phương Tây có thể gây sức ép đến Harare. Động thái tương tự cũng có hiệu quả trong trường hợp của Myanmar. Trong khi các nước phương Tây muốn áp dụng lệnh trừng phạt lên chính quyền quân sự vì cuộc đàn áp các nhóm đối lập trong nước, nhưng sẽ khó có thể thực hiện được điều này nếu không có sự hợp tác của Ấn Độ và Trung Quốc, hai đối tác thương mại hàng đầu của Myanmar.

**Bảng 7: Chỉ số thương mại của các nước dễ bị tổn thương năm 2008**

Quốc gia	GDP (Tỷ Đô la Mỹ)	Thương mại /GDP	Xuất khẩu (Tỷ Đô la Mỹ)	Ba đối tác xuất khẩu hàng đầu	Nhập khẩu (Tỷ Đô la Mỹ)	Ba đối tác nhập khẩu hàng đầu
Zimbabwe	10,58	-69,9	1,39	Nam Phi (60%) Congo (DRC)(10%) Botswana (8.7%)	1,91	Nam Phi (32%) Trung Quốc (4%) Botswana (3.7%)
Sudan	58,03	2	11,67	Trung Quốc (49%) Nhật Bản (33%) Indonesia (5.5%)	8,22	Trung Quốc(20%) Á-rập (8%) UAE (11,2%)
Pakistan	164,63	-6,1	21,09	Mỹ (16%) UAE (11.7%) Afghanistan (8.6%)	38,19	Trung Quốc (20%) Á-rập (12%) UAE (11,2%)
Myanmar	26,21	10,6	6,67	Thái Lan (52%) Ấn Độ (12.7%) Trung Quốc (8.9%)	3,38	Trung Quốc (31%) Thái Lan (21,2%) Singapore(20,7%)
Iran	325,5	10,6	9843	Trung Quốc (15.3%) Nhật Bản (14.3%) Ấn Độ (10.4%)	67,25	UAE (19,3%) Trung Quốc(13%) Đức (9.2%)
Syria	55,02	-5,8	13,97	Iraq (30.9%) Đức (9.8%) Li-băng (9.7%)	15,97%	Á-rập (11,7%) Trung Quốc (8,7%) Nga (6,4%)

Nguồn: CIA World Factbook; Economist Intelligence Unit

Thứ hai, ảnh hưởng tương đối của các cường quốc đang trở lại so với phương Tây được tăng cường hơn nữa bởi sự rạn nứt giữa các nước phương Tây. Ở châu Âu, EU vẫn chưa phát triển cơ chế thống nhất hoàn toàn cho việc xây dựng và triển khai chính sách đối ngoại và đôi lúc sự chia rẽ chính trị ở châu Âu đã làm hạn chế tầm ảnh hưởng của nó. Đôi lúc, sự bất đồng giữa EU và Mỹ cũng đã làm phức tạp những nỗ lực chung. Sự đoàn kết thường không đạt được trong những vấn đề cần đến nó, điều này thường bắt nguồn từ sự khác biệt về điều gì tạo tính chính đáng cho việc sử dụng vũ lực, quan điểm khác biệt về chủ nghĩa đa phương, và những áp lực khác nhau từ quan điểm của công chúng trong nước. Những ví dụ gần đây như sự khác biệt chính sách về Trung Đông nói chung là một ví dụ tiêu biểu nhất. Bất đồng trong cuộc chiến Iraq lần thứ hai cũng được nhiều người biết đến. Về vấn đề Afghanistan, trong khi người dân châu Âu coi đó là một nỗ lực xứng đáng trước khi kết thúc năm 2008, nhưng từ đó đến nay nhận định này cũng đã thay đổi. Điều này đã ngăn cản các nhà lãnh đạo châu Âu đóng góp thêm quân cho việc tái thiết Afghanistan (mặc dù các nước châu Âu vẫn đóng góp bằng những cách khác). Mỹ và EU cũng đã đưa ra các chiến lược khác nhau về cấm vận đối với Iraq.<sup>24</sup> Trong khi điều này đôi lúc được hiểu là một chiến lược “cóm tốt – cám xấu” có tính toán,

<sup>24</sup> This is reflective of Robert Kagan’s argument in *Of Paradise and Power: America and Europe in the New World Order* (New York: Vintage, 2004).

nhưng sự phối hợp tốt hơn giữa các bên từ trước hướng đến một chiến lược sử dụng cả trừng phạt và mua chuộc có thể có được kết quả tốt hơn.<sup>25</sup> Do đó, trong các cuộc đàm phán đa phương, các cường quốc đang trỗi dậy không còn mặc cả với khối phương Tây thống nhất và kỷ luật kiểm soát 2/3 nền kinh tế thế giới nữa mà là với một nhóm các chủ thể phương Tây đang cạnh tranh nhau nội bộ, vô kỷ luật, phân mảnh và có những mục tiêu khác nhau.

Cuối cùng, trong các thể chế đa phương, các nước BRIC có thể chiếm được ảnh hưởng lớn hơn so với quy mô nền kinh tế của từng nước hoặc quyền bỏ phiếu chính thức. Điều này là do các đặc điểm thể chế nhất định có khuynh hướng khuếch đại ảnh hưởng của các cường quốc đang trỗi dậy. Trong một vài tổ chức đa phương, đó chính là quy định ra quyết định cần sự đồng thuận hoặc gần như đồng thuận. Tại Liên Hợp Quốc, các cường quốc đang trỗi dậy nắm giữ ảnh hưởng đáng kể đối với các quyết định thông qua vai trò của họ trong việc huy động các khối khu vực. (Trung Quốc và Nga tất nhiên là hai thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an và do đó nắm quyền phủ quyết trong tổ chức này.) Các cường quốc đang trỗi dậy thường có đóng góp lớn đối với các vấn đề trọng tâm trong thẩm quyền của Liên Hợp Quốc, ví dụ như việc gìn giữ hòa bình. Ví dụ, Ấn Độ đã đóng góp hơn 8.000 quân trong tổng số dưới 100.000 quân của lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc.<sup>26</sup> Sự sẵn sàng của New Delhi trong việc triển khai quân vì mục đích này đã tạo cho nước này khả năng ảnh hưởng đối với việc lên kế hoạch và sự thành công của các sứ mệnh. Bỏ phiếu theo khối cũng giúp cho các cường quốc đang trỗi dậy tăng cường tiếng nói của mình. Ví dụ, về vấn đề nhân quyền, một nghiên cứu mới đây của Hội đồng châu Âu về Quan hệ Đối ngoại đã chỉ ra rằng đã xuất hiện giới hạn thực sự đối với ảnh hưởng của phương Tây trong Hội đồng Nhân quyền, nơi mà các cường quốc đang trỗi dậy đạt được thành công rộng rãi trong việc ngăn cản các sáng kiến của phương Tây.<sup>27</sup>

Tương tự, các cơ chế bầu bán của WTO cũng tạo điều kiện cho Ấn Độ, Brazil, Trung Quốc ngăn cản các sáng kiến do Mỹ và EU đưa ra. Mặc dù WTO về mặt kỹ thuật bỏ phiếu theo cơ chế đồng thuận, nhưng trong quá khứ không có bất cứ quốc gia không thuộc phương Tây nào có thể ngăn cản được các sáng kiến được coi như gây tổn hại đến lợi ích của nước đó. Điều này là do các quốc gia phương Tây thường có khả năng sử dụng chiến thuật “trọng lượng vô hình”, dựa vào các

---

<sup>25</sup> Như trên

<sup>26</sup> Center on International Cooperation, Annual Review of Global Peace Operations 2009 (Boulder, CO: Lynne Rienner, 2009).

<sup>27</sup> Richard Gowan and Franziska Brantner, A Global Force for Human Rights: An Audit of European Power at the UN, European Council on Foreign Relations Policy Paper (London: European Council on Foreign Relations, 2008).

thỏa thuận bên lề để phá vỡ các liên minh của các nước đang phát triển.<sup>28</sup> Nhưng vào năm 2003 ở Cancun, và một lần nữa ở Geneva vào năm 2008, G20 của WTO đã phối hợp cùng nhau và đóng băng đàm phán sau khi những bất đồng nổi lên, lần lượt là “vấn đề Singapore” (liên quan đến các nỗ lực tự do hóa trong các lĩnh vực mua sắm của chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, đầu tư và cạnh tranh) và quy mô của các cơ chế tự vệ đặc biệt đảm bảo cho bảo hộ, chống lại sự tràn lan của việc nhập khẩu nông sản. Trong cả hai trường hợp, G20 WTO có thể gắn kết lại, mặc dù có những lợi ích không song trùng (một vài thành viên G20 WTO, như Brazil, có ưu tiên cao hơn đối với việc tự do hóa hơn là những nước khác, như Ấn Độ) và mặc cho các nỗ lực của phương Tây nhằm chia để trị.<sup>29</sup>

Ở đây cũng có liên quan đến hiệu ứng “bóng ma của tương lai” vốn có tác dụng trong việc giúp giải thích tại sao mặc cho khoảng cách sức mạnh vật chất hiện tại, rất nhiều nước trong khối BRICS, đặc biệt là Trung Quốc, được đối xử như thể họ đã là cường quốc. Vì quỹ đạo phát triển của các quốc gia này đã được nhận thấy trong một thời gian nên ở rất nhiều nơi trên thế giới có một sự mặc nhiên thừa nhận rằng các quốc gia này sẽ sớm trở thành các cường quốc, bất chấp các câu hỏi trọng yếu về tính bền vững của sự trỗi dậy này.

Hãy thử xem xét vấn đề cải cách quản lý của các thể chế tài chính quốc tế. Ví dụ, các thành viên của Ngân hàng Thế giới gần đây đã đồng ý tái cấu trúc quyền lực trong thể chế này. Năm 2008, họ đồng ý chuyển 1,46% trong quyền bỏ phiếu cho các nước đang phát triển. Vào mùa xuân 2010, các thành viên đã mở rộng hơn nữa quyền của các nền kinh tế đang phát triển với 3.13% nữa đồng nghĩa với việc các quốc gia này nắm giữ 47,19% quyền bỏ phiếu. Tổng hợp lại, những thay đổi này cho phép Trung Quốc có thể trở thành người nắm giữ cổ phần lớn thứ ba của ngân hàng.<sup>30</sup>

Dù quá trình cải cách này không thể hoàn thành cho đến năm 2011, nhưng quá trình xem xét lại quota của IMF có lẽ vẫn là ví dụ điển hình nhất của tác dụng này trên thực tế. Quá trình xem xét lại này sẽ tái cấu trúc hệ thống quota của IMF và đưa ra những khuyến nghị thực chất cho việc cải tổ quy mô và thành phần ban giám đốc. Có nhiều phỏng đoán rằng, ngay cả trước khi Trung Quốc vượt qua Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới vào tháng 8/2010, nếu xét về

<sup>28</sup> Richard Steinberg, ‘In the Shadow of Law or Power? Consensus- Based Bargaining and Outcomes in the WTO/GATT’, *International Organization*, vol. 56, no. 2, Spring 2002, tr. 339–74.

<sup>29</sup> Paul Blustein, *Misadventures of the Most Favored Nations: Clashing Egos, Inflated Ambitions, and the Great Shambles of the World Trading System* (New York: Perseus, 2009), tr. 261–76.

<sup>30</sup> Sewell Chan, ‘Poorer Nations Get Larger Role in the World Bank’, *New York Times*, 25/04/2010, tr. B3.



lĩnh vực chia phần quota, hay thành phần đại diện trong ban giám đốc hoặc trong cả hai lĩnh vực, Trung Quốc đều sẽ vượt lên trước Nhật Bản.

### **Xây dựng, cản trở, mặc cả hay cân bằng?**

Trật tự thế giới không tự nó điều chỉnh, và các cơ chế quản trị không vận hành vì chính nó. Trật tự thế giới cần phải được điều hành, được hỗ trợ, được bảo đảm và dẫn dắt; và trên tất cả nó cần một chủ thể sẵn sàng gánh chịu phí tổn của thất bại. Trong hệ thống quốc tế tự do hình thành ở Bretton Woods và Dumbarton Oaks, và sự mở rộng về mặt địa lý của nó sau sự sụp đổ của bức tường Berlin, Mỹ đã nhận trách nhiệm này. Thật ra, đôi lúc các đồng minh cũng hỗ trợ cho những vai trò này, thông qua việc chia sẻ chi phí, cùng hành động hoặc hỗ trợ về mặt chính trị, nhưng cũng thỉnh thoảng họ chọn lựa hưởng thụ, ăn theo bá quyền của Mỹ, đặc biệt trong lĩnh vực an ninh, hoặc làm vô hiệu hóa các nỗ lực của Mỹ ở những nơi được coi là chỉ thuộc lợi ích của Mỹ mà không phải là lợi ích chung.

Trong một thế giới nơi mà lĩnh vực duy nhất thuộc sự thống trị hoàn toàn của Mỹ - sức mạnh quân sự - có rất ít hữu dụng, và nơi mà thực tế các lĩnh vực khác có các chủ thể khác mạnh hơn mà không phải là các đồng minh truyền thống của Mỹ, thì một câu hỏi hai vế nổi lên: liệu Mỹ có thể thể hiện chức năng lãnh đạo chủ chốt mà không cần sự hỗ trợ của các mối ràng buộc mới với các cường quốc đang trỗi dậy hay không? Và liệu những chủ thể này sẽ ăn theo hưởng lợi, tạo điều kiện hay làm vô hiệu hóa các nỗ lực của Mỹ? Hoặc, đặt lại câu hỏi này theo cách ít lấy Mỹ làm trung tâm hơn, liệu các cường quốc đang trỗi dậy sẽ đóng các vai trò mang tính xây dựng hay cản trở trong việc xây dựng trật tự toàn cầu? Có lẽ vai trò của họ hiện tại chủ yếu là các chức năng trung gian – mặc cả cho không gian và lợi ích của chính họ, và cân bằng vai trò ngày càng gia tăng của nhau.

Nhìn chung có sự nhất trí về các hiệu quả bá quyền cụ thể mà các cường quốc mang lại, trong nhiều phạm vi khác nhau. Đầu tiên là tài chính. Hiện nay không hề có một hệ thống tiền tệ dựa trên luật lệ và được quy định rõ ràng đầy đủ để điều chỉnh nền kinh tế toàn cầu, và không giống những thập kỷ trước, các chính quyền quốc gia được tự do ấn định giá trị đồng tiền của nước mình. Điều này tạo ra nhu cầu cần phải có đồng tiền quốc gia ổn định để phục vụ nhu cầu là một trung gian trao đổi và là đồng tiền dự trữ. Đồng đô la đóng vai trò này một cách không chính thức ngay cả sau sự sụp đổ của hệ thống Bretton Woods vào đầu những năm 1970. Tuy nhiên, kể từ khi đồng euro có hiệu lực từ năm 1999, và sự chuyển dịch dần dần nhưng thực chất khỏi New York và London như là hai trung tâm tài chính

dẫn đầu toàn cầu, đã có những nghi ngờ cho rằng đồng đô la có thể hoặc vẫn đóng vai trò này trong tương lai.

Tồn tại hai nhân tố góp phần dẫn đến sự suy giảm lòng tin đối với vị trí của Mỹ. Đầu tiên, mất cân bằng ở cấp độ vĩ mô đi cùng với sự suy thoái trong nền kinh tế Mỹ đã dẫn đến những lo ngại rằng những tài sản định danh bằng đồng đô la cuối cùng sẽ trở nên quá rủi ro. Nhưng trong khi lo ngại này ngày càng gia tăng mạnh mẽ và lan rộng hơn, với rất nhiều dự báo về đồng euro, hoặc ngay cả đồng nhân dân tệ, sẽ là đồng tiền được sử dụng cuối cùng trong tương lai, thì thực ra có rất ít tiến triển tách rời sự phụ thuộc vào đồng đô la. Tất nhiên, điều này có thể thay đổi – một cách đột ngột - nhưng rõ ràng điều này vẫn chưa xảy ra. Thứ hai, sự thống trị hoàn toàn của Mỹ đối với IMF, tổ chức mà thông qua đó Washington đã từng thiết kế các gói cứu trợ, nhanh chóng trở thành dĩ vãng. Tại Hội nghị cấp cao G20 Pittsburgh mùa thu 2009, các nền kinh tế chủ chốt đồng ý chuyển ít nhất 5% phần chia quota cho các nước đang phát triển, và các cường quốc lâu năm phải chịu thiệt hại.<sup>31</sup> Điều này không nhất thiết có nghĩa là Mỹ sẽ mất hầu hết khả năng hình thành các nhân tố chính của các gói cho vay và các cơ chế thiết lập ổn định khác. Tuy nhiên, điều này sẽ cần tham vấn và hợp tác sâu rộng hơn với các cường quốc đang trỗi dậy trong vấn đề này, khi ảnh hưởng của các cường quốc đang trỗi dậy trong nền kinh tế toàn cầu tiếp tục gia tăng.<sup>32</sup>

Khủng hoảng tài chính toàn cầu cung cấp những bằng chứng pha trộn về chiến lược kinh tế của các cường quốc đang trỗi dậy. Mặt khác, cơn lốc của dòng vốn toàn cầu chảy ngược về Mỹ sau khi xảy ra khủng hoảng nhấn mạnh rằng, ở hiện tại, không có đồng tiền nào có thể cạnh tranh với vị thế đồng tiền dự trữ của đồng đô la. Hơn nữa, sự đóng góp của các cường quốc đang trỗi dậy vào các nỗ lực kích thích kinh tế chung là đáng kể, cho thấy rằng khi lợi ích của họ đang bị đe dọa, hơn bao giờ hết họ sẽ sẵn sàng để hợp tác với Mỹ và các nước phương Tây trong việc xây dựng (hay ít nhất là bảo vệ) một hệ thống tài chính toàn cầu ổn định. Mặt khác, sau khủng hoảng, các quan chức Trung Quốc bắt đầu bàn thảo một cách công khai về các đồng tiền thay thế cho đồng đô la làm đồng tiền dự trữ. Ví dụ, Thống đốc ngân hàng trung ương của Trung Quốc gần đây đã dự thảo việc hình thành “một đồng tiền dự trữ siêu chủ quyền” như là một cách thức để tách

<sup>31</sup> ‘The Pittsburg Summit: Key Accomplishments’, 24–5/09/2009, xem online tại <http://www.pittsburghsummit.gov/resources/129665.htm>.

<sup>32</sup> Sanjaya Baru, ‘India’s Stake in the Dollar’s Future’, Business Standard, 7/10/2009, <http://www.business-standard.com/india/news/sanjaya-baru-indias-stake-indollars-future/372461/>.

khỏi đồng đô la.<sup>33</sup> Tín hiệu mặc cả từ Bắc Kinh rõ ràng là dù Trung Quốc sẵn sàng gánh vác một phần nặng hơn trong hệ thống tài chính quốc tế, Trung Quốc cũng muốn có tiếng nói lớn hơn trong việc áp đặt những luật chơi. Nhưng trò chơi này cũng chẳng đi đến đâu: đề xuất của Trung Quốc nêu lên ở New Delhi sẽ phải đối mặt với sự chế giễu lớn. Ngay cả câu hỏi giới hạn hơn là áp đặt một đồng tiền không phải đồng đô la vào trong thương mại nội khối BRICS cũng đặt ra một vấn đề hết sức nan giải là liệu có bất kỳ nước BRICS nào có thể chấp nhận đồng tiền của nước khác làm giải pháp thay thế hay không.<sup>34</sup>

Sự vận động tương tự cũng tồn tại xoay quanh một tập hợp chức năng khác cần thiết cho việc bảo vệ hệ thống kinh tế tự do: việc cung cấp an ninh cho các tuyến đường hàng không và hàng hải, và trong không gian. Kể từ khi kết thúc Chiến tranh thế giới lần thứ hai, và thậm chí còn rõ hơn vào đầu những năm 1990, Mỹ đã áp đảo các lĩnh vực chung (hay hàng hóa công) toàn cầu. Sự áp đảo này là hết sức quan trọng trong việc tạo ra vị trí vượt trội cho quân đội Mỹ và là yếu tố nền tảng cho ảnh hưởng kinh tế của Mỹ cũng như của các đồng minh, và giúp Washington giảm ảnh hưởng của các nước đối thủ.<sup>35</sup> Tất nhiên điều này cũng tạo điều kiện cho các cơ chế tự do thương mại mà các cường quốc đang trỗi dậy có thể được lợi từ các cơ chế này. Một trong những câu hỏi then chốt mà Mỹ bắt đầu cần phải nắm bắt là liệu việc Mỹ áp đảo những lĩnh vực chung toàn cầu có suy giảm hay không.

Một lần nữa, bằng chứng cho thấy các xu hướng trái ngược. Một mặt, mặc cho sự yếu kém rộng rãi xuất hiện trong sức mạnh kinh tế, kỹ thuật và quân sự, Mỹ vẫn được coi là không nước nào có thể thách thức được trong những lĩnh vực này. Không có cường quốc đang trỗi dậy nào cho đến ngày nay phát triển được bằng với lực lượng hải quân xa bờ của Mỹ, và Mỹ vẫn có thể triển khai quân trên toàn cầu với tốc độ nhanh chóng và ít bị can thiệp. Mỹ vẫn nắm giữ sức mạnh không quân vượt trội trên thế giới, trong khi đó sự vượt trội của Mỹ ngoài vũ trụ những năm gần đây bị thách thức bởi Nga và Trung Quốc, nhưng những thách thức này chưa đủ nghiêm trọng đến mức khơi mào một cuộc chạy đua vũ trang hoặc thậm chí dẫn đến việc Washington tái đầu tư một cách thực chất vào các chương trình không gian của nước này. Hải quân Mỹ tiếp tục trở thành nguồn gốc mạnh mẽ nhất cho sự

<sup>33</sup> Zhou Xiaochang, 'Reforming the International Monetary System', speech at the People's Bank of China, 23 March 2009, xem online tại [http://news.xinhuanet.com/english/2009-03/26/content\\_11074507.htm](http://news.xinhuanet.com/english/2009-03/26/content_11074507.htm).

<sup>34</sup> Tổng thống Nga Dimitry Medvedev gần đây đã thể hiện một vài sự ủng hộ cho việc đồng Nhân dân tệ có thể trở thành một đồng tiền dự trữ thay thế: xem William Mauldin, 'Russia Backs Stronger Rivals to Dollar', *Wall Street Journal*, 19/06/2010, tr. A7.

<sup>35</sup> Barry Posen 'Command of the Commons: The Military Foundations of U.S. Hegemony', *International Security*, vol. 28, no. 1, Summer 2003, tr. 5-46.

ổn định của các hoạt động thương mại toàn cầu, giám sát các điểm nóng then chốt về thương mại như eo biển Malacca. Mỹ tiếp tục nắm giữ trách nhiệm duy trì dòng chảy tự do của dầu trên thế giới. Lực lượng hải quân Mỹ bảo vệ các tuyến đường biển nơi mà các dòng chảy dầu này có nguy cơ bị phá vỡ, và Mỹ đã từ lâu thiết lập các mối quan hệ chính trị và quân sự với các quốc gia sản xuất dầu mỏ chính yếu.

Hơn thế nữa, như trường hợp cướp biển Somali cho thấy, sự vươn lên của các cường quốc đang trỗi dậy có thể dẫn đến hợp tác ở những lĩnh vực nơi tồn tại các mối đe dọa xuyên quốc gia, hơn là dẫn đến sự thách thức của các nước này đối với sự chỉ huy của Mỹ. Trung Quốc bắt đầu việc tuần tra ở Vịnh Aden, và trong khi nhiệm vụ hàng đầu của Trung Quốc đến ngày nay vẫn chủ yếu tập trung nhằm vào bảo vệ các tàu của Trung Quốc, họ cũng đã cung cấp an ninh cho các tàu của Đài Loan và những tổ chức cứu trợ nhân đạo quốc tế như Chương trình Lương thực Thế giới của Liên Hợp Quốc. Gần đây, Trung Quốc đã kêu gọi các chính sách hợp tác đa phương cho vấn đề cướp biển, lưu ý đến nhu cầu của cộng đồng quốc tế cần phải xác định các khu vực trách nhiệm. Trong khi điều này có thể được coi như là nỗ lực định hình không gian quốc gia của Trung Quốc, nó vẫn cho thấy sự công nhận của Bắc Kinh đối với nhu cầu ít nhất cần phải có sự hiểu biết lẫn nhau.<sup>36</sup>

Mặt khác, cũng có những thứ chỉ ra rằng sự chi phối của Mỹ đối với các vấn đề chung sẽ bị suy yếu dần trong những năm sắp tới, và thậm chí có thể nhìn thấy những thách thức rõ ràng. Trong những khu vực cạnh tranh nhất định, Mỹ đã phát hiện ra rằng sự vượt trội của mình có thể bị thách thức, nếu không phải bị đánh bại thì ít nhất là cũng bị kiềm chế: những nước thách thức có thể gia tăng một cách đáng kể cái giá của hành động của Mỹ.<sup>37</sup> Cùng với những nỗ lực xây dựng một lực lượng hải quân mạnh hơn, bao gồm cả tàu sân bay, Trung Quốc hiện đang thúc đẩy các công nghệ quân sự thời kỳ Chiến tranh Lạnh chi phí thấp như pháo phòng không, tên lửa đất đối không và thủy lôi. Trong khi sức mạnh tấn công quân sự có vẻ còn nhiều năm nữa mới được đạt được, thì khả năng ngăn chặn của Trung Quốc được gia tăng đáng kể sẽ khiến sức mạnh của Mỹ kém hiệu quả hơn.<sup>38</sup> Tương tự (mặc dù ít được để ý ở phương Tây), việc tăng cường sức mạnh quân sự của Ấn Độ là kết quả của trỗi dậy về kinh tế và nhu cầu ngày càng tăng để bảo vệ các tuyến đường thương mại, đặc biệt là cho các nguồn cung dầu mỏ đi qua eo biển Hormuz. Cùng lúc, đó là một phản ứng chiến lược đối với việc phát triển sức mạnh quân sự của Trung Quốc – một minh chứng khác chỉ ra rằng thương mại toàn cầu, sự bất ổn

<sup>36</sup> Lưu ý rằng những lời kêu gọi này đã loại trừ hoặc làm suy giảm nghiêm trọng vai trò dành cho Ấn Độ.

<sup>37</sup> Posen, 'Command of the Commons'.

<sup>38</sup> Như trên

về an ninh năng lượng và cạnh tranh truyền thống liên quốc gia ngày càng đan xen, xoắn quện. Trong khi còn nhiều điều chưa biết về sự bền vững và năng lực cạnh tranh của các lực lượng quân đội đang phát triển của Trung Quốc và Ấn Độ và rất cuộc những điều này có nghĩa gì đối với vị trí của Mỹ, những động thái này chắc chắn sẽ làm phức tạp khả năng của Mỹ trong việc triển khai sức mạnh trên toàn cầu để bảo đảm thương mại và thúc đẩy sự ổn định trên biển.

Tuy nhiên, cũng như với vấn đề về đồng tiền dự trữ, sự trỗi dậy của hải quân Ấn Độ và Trung Quốc được cho là đã bảo vệ chức năng lãnh đạo của Mỹ. Trong bối cảnh xuất hiện một chính sách đối ngoại mới của Trung Quốc tự tin và quyết đoán sau khủng hoảng tài chính, các quan chức Trung Quốc bắt đầu thể hiện "một sự sẵn sàng" để "gánh vác gánh nặng" của việc bảo đảm an ninh hàng hải ở eo biển Malacca. Đề nghị này đã được đáp lại bởi một sự im lặng của hầu hết các nước trong khu vực. Mặc cho căng thẳng gia tăng giữa Mỹ và Trung Quốc và sự khác biệt không thể chối cãi trong lợi ích của Ấn Độ và Mỹ, vẫn đúng khi nói rằng không có cường quốc châu Á nào đủ tin tưởng các láng giềng của mình để đồng ý trao lại vai trò mà hải quân Mỹ đã đảm nhiệm cho nước đó. Một lần nữa, việc cân bằng giữa các cường quốc đang trỗi dậy đang giới hạn không gian mặc cả của họ đối với Mỹ.

Cuối cùng, Mỹ thường đóng vai trò như một nhân tố giữ ổn định cho cân bằng quyền lực ở các khu vực có tầm quan trọng chiến lược. Cũng như nước Anh trong lịch sử đã từng làm với lục địa châu Âu, Mỹ đã từng cố gắng đảm bảo không một quốc gia đơn lẻ nào có thể thống trị lục địa của mình. Xét về truyền thống, Mỹ từng can thiệp bằng các lực lượng quân đội lớn hoặc tiến hành chiến tranh khi mà các quan chức Mỹ tin rằng các chủ thể có liên quan ở khu vực không thể duy trì được sự cân bằng, do đó tạo cho quốc gia có tiềm năng thống trị cơ hội nỗ lực giành bá quyền. Ở châu Âu, Mỹ dựa vào các cơ chế đa phương cho mục đích này, với logic thường hay được viện dẫn của NATO là "giữ chân Mỹ ở trong, Liên Xô ở ngoài, và ghì nước Đức xuống." Trong khi đó, ở Trung Đông và châu Á, Mỹ có ý định sử dụng các cơ chế song phương để đảm bảo cho các đường biên giới lãnh thổ và an ninh chế độ, tạo ra hệ thống "trục và nan hoa" với Mỹ ở trung tâm.<sup>39</sup> Mặc dù tồn tại các phương án khác nhau ở các khu vực khác nhau, nhưng mục đích hướng đến thì giống nhau.

Trong ngắn hạn, sức mạnh của Mỹ vẫn có thể đảm bảo cho sự cân bằng trong khu vực với ít chi phí tăng thêm. Tuy nhiên, trong dài hạn, còn nhiều nghi

<sup>39</sup> Để có thể đánh giá tại sao Mỹ chọn song phương ở châu Á và đa phương ở châu Âu, xem Victor D. Cha, 'Powerplay Origins of the U.S. Security System in Asia', *International Security*, vol. 34, no. 3, Winter 2009–10, tr. 158–96.

vấn liệu Washington có thể duy trì được năng lực này hay không. Điều này phần lớn sẽ phụ thuộc vào khả năng của các cường quốc đang trỗi dậy, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ, trong việc tiếp tục phát triển về mặt kinh tế và quân sự, và phụ thuộc vào việc họ sẽ chọn cách nắm giữ quyền lực như thế nào. Vào thời điểm mà khái niệm “đế quốc dàn sức quá mức” (imperial overstretch) trở nên hiện hữu, và khi các cường quốc đang trỗi dậy phát triển mạnh hơn về kinh tế, quân sự và kỹ thuật, họ sẽ được chuẩn bị tốt hơn để phá vỡ cân bằng quyền lực ở khu vực. Một Trung Quốc mạnh mẽ có thể thách thức hệ thống an ninh của Mỹ ở Đông Á bằng việc buộc các quốc gia nhỏ hơn chọn Bắc Kinh là đồng minh quan trọng, theo quan điểm cho rằng các quốc gia ở gần các cường quốc thường có khuynh hướng ngả theo các cường quốc này.<sup>40</sup> Ở Tây Á, Trung Quốc đã có thể đảm bảo các hợp đồng dài hạn cho các nguồn cung dầu và khí, trong khi Mỹ đã dành một nghìn tỷ cho hai cuộc chiến tranh, một con số gây kinh ngạc cho các quan chức và các nhà chiến lược Trung Quốc. Một kịch bản cũng hết sức hợp lý khác là Trung Quốc đặt cược vào việc đòi lại Đài Loan, mà theo đó có nhiều khả năng dẫn đến sự đáp trả về mặt quân sự từ phía Mỹ. Michael O’Hanlon và Richard Bush đã lý giải tại sao kịch bản này có nhiều khả năng xảy ra hơn là các nhà bình luận nghĩ.<sup>41</sup>

Cuối cùng, các hành động quân sự của Bắc Triều Tiên chống lại Hàn Quốc có thể sẽ buộc quân Mỹ và Trung Quốc nhảy vào hành động ở bán đảo Triều Tiên. Trong khi cả Trung Quốc và Mỹ đều không xem việc này thuộc lợi ích của họ, và vẫn có thể hợp tác để giải quyết khủng hoảng, thì nguy cơ rất cao là những xung đột như vậy khơi mào bất hòa gia tăng giữa Mỹ và Trung Quốc. Về mặt chính trị, va chạm có thể nổ ra xoay quanh quan điểm khác nhau về tương lai của bán đảo, với việc Mỹ ưu tiên thống nhất và Trung Quốc có lợi ích to lớn trong việc giữ bán đảo Triều Tiên ổn định nhưng đồng thời yếu và bị chia cắt. Điều này có thể tạo ra sự cạnh tranh xoay quanh tầm nhìn về trật tự an ninh khu vực. Và trong khi Ấn Độ và Brazil có năng lực quân sự ít mở rộng hơn Trung Quốc, ảnh hưởng ngoại giao ngày càng gia tăng ở chính các tiểu khu vực của hai nước này đang định hình các lựa chọn của Mỹ. Như chúng ta đã thấy, ngay cả Nam Phi cũng có thể làm thất bại ngoại giao phương Tây ngay trong tiểu hệ thống của họ.

Ở khu vực Trung Đông nói chung, các khả năng ít rõ ràng hơn. Trước tiên là do khoảng trống do cuộc chiến Iraq để lại, đã có một nỗ lực lớn nhằm cân bằng sức mạnh trong khu vực, và không có một trật tự khu vực non trẻ nào có thể nổi

---

<sup>40</sup> Stephen Walt, *Origins of Alliances* (Ithaca, NY: Cornell University Press, 1990), nhất là tr. 17–21 và 27–32.

<sup>41</sup> Richard C. Bush and Michael O’Hanlon, *A War Like No Other: The Truth About China’s Challenge to America* (Hoboken, NJ: John Wiley & Sons, 2007).

lên, mặc dù Iran đang tái khẳng định mình là một nước trung gian quyền lực trong khu vực, và tương tự, ở một cấp độ thấp hơn, là Thổ Nhĩ Kỳ.<sup>42</sup> Sức mạnh của Mỹ tại khu vực được cho là đang suy yếu dần, nhưng không có một cường quốc đang nổi lên nào đủ mạnh để nắm giữ vai trò bá chủ. Cạnh tranh liên quốc gia ở Trung Đông vẫn là chuẩn mực, và khu vực này là điểm nóng của các nguy cơ xuyên quốc gia. Hơn nữa, các thể chế đa phương mà đã phản ứng với những thách thức của khu vực. Trong khi vẫn thường xuyên thực hiện những nhiệm vụ trong những lĩnh vực như hòa giải, gìn giữ hòa bình, chống phổ biến vũ khí hạt nhân và cứu trợ nhân đạo một cách uy tín, những thể chế này cũng đã cho thấy những khoảng trống, và thường thấy nhất là trong việc kiến thiết quốc gia và các vấn đề chống khủng bố.<sup>43</sup>

Có lẽ vấn đề đáng lo ngại nhất là khu vực dần trở thành khu vực cạnh tranh giữa các cường quốc nhằm tranh giành tài nguyên thiên nhiên. Ngoại trừ Trung Á, không một khu vực nào khác được coi là có nhiều cạnh tranh về năng lượng như Trung Đông. Dầu mỏ, do tầm quan trọng của nó đối với nền kinh tế toàn cầu đi cùng với nỗi lo ngại về khả năng cạn kiệt, trở thành nguồn tài nguyên có khả năng khuếch trương căng thẳng giữa các cường quốc nhất. Michael T. Klare dự đoán một sự vận động mà theo đó "các quốc gia thiếu năng lượng có thể thiết lập quan hệ chiến lược với các quốc gia giàu tài nguyên thiên nhiên, và thường củng cố các thỏa thuận này bằng việc mua bán vũ khí, các liên minh quân sự mới hoặc được củng cố lại, và việc triển khai quân đến các khu vực sản xuất năng lượng bất ổn".<sup>44</sup>

Thực chất, vì ảnh hưởng chính trị của Mỹ ở Trung Đông đang suy giảm, khoảng trống còn lại bắt đầu được lấp đầy bởi các cường quốc đang trỗi dậy. Trung Quốc đã phát động cái gọi là "tấn công ngoại giao" đối với các quốc gia ở Vịnh Pécxích.<sup>45</sup> Bắc Kinh đã từ lâu nhận ra nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng của Trung Quốc và các quan chức Trung Quốc đã gia tăng hiện diện ở những thủ đô của Ả-rập Xê-út và Iran để đảm bảo nhập khẩu từ khu vực. Hiện nay Trung Quốc đã nhập khẩu tương đương 1,8 triệu thùng dầu từ vịnh Pécxích mỗi ngày, tăng ba lần so với năm 1997.<sup>46</sup> Thực ra, các nỗ lực của Trung Quốc tập trung không chỉ vào

---

<sup>42</sup> Để hiểu rõ hơn về những nỗ lực trong lịch sử của Iran (và Israel) trong việc định hình trật tự khu vực Trung Đông, xem Trita Parsi, *Treacherous Alliance: The Secret Dealings of Israel, Iran, and the U.S.* (New Haven, CT: Yale University Press, 2007). Về Thổ Nhĩ Kỳ, xem Henri J. Barkey, 'Turkey's Moment of Inflection', *Survival*, vol. 52, no. 3, tháng 6-7/2010, tr. 39-50.

<sup>43</sup> Jones, Pascual & Stedman, *Power and Responsibility*, tr. 284-8.

<sup>44</sup> Michael T. Klare, *Rising Powers, Shrinking Planet: The New Geopolitics of Energy* (New York: Henry Holt, 2009), p. 7.

<sup>45</sup> C.P. Andrews-Speed, Xuanli Liao & Roland Dannreuther, *The Strategic Implications of China's Energy Needs*, Adelphi Paper 346 (Oxford: Oxford University Press for the International Institute for Strategic Studies, 2002).

<sup>46</sup> Số liệu từ US Energy Information Administration, xem online tại <http://www.eia.doe.gov/emeu/cabs/China/Oil.html>.

việc đảm bảo các thỏa thuận song phương, mà còn đòi hỏi quyền khai thác và sản xuất ở những nước từ lâu được coi là đồng minh của Mỹ (hoặc đối thủ của Mỹ).<sup>47</sup> Các thỏa thuận này, không cần biết hình thức ra sao, trái với cách tiếp cận dựa trên cơ chế thị trường chung được sử dụng bởi những nước sử dụng năng lượng nhiều nhất trong suốt hai thập kỷ qua. Trung Quốc đang cố gắng làm điều này một cách thầm lặng, và nhìn chung tránh các hành động có thể được coi là trực tiếp thách thức vị trí của Mỹ. Tuy nhiên, phương Tây cũng đã có lúc lớn tiếng chỉ trích hành động của Trung Quốc. Như chuyên gia năng lượng David Victor và Linda Yueh đã lưu ý, điều này đã làm tăng nỗi sợ hãi của Trung Quốc rằng các nguồn cung năng lượng có thể rất khó để nắm giữ, và báo trước sự vận động tiêu cực phức tạp giữa Mỹ và Trung Quốc.<sup>48</sup>

Ấn Độ, vì sự gần gũi về mặt địa lý với khu vực, đã từ lâu nhập khẩu phần lớn dầu mỏ của mình từ Vịnh Péc-xích, và cũng tập trung vào ngoại giao song phương trong những năm gần đây. Quan hệ với cả Iran và Ả-rập Xê-út đã được củng cố, với một trong những sự phát triển rõ nét nhất là thỏa thuận năm 2004 giữa công ty nhà nước Indian Oil và công ty Petropars của Iran để phát triển một phần mỏ khí ngoài khơi South Pars và xây dựng các nhà máy hóa lỏng phục vụ cho việc xuất khẩu sang Ấn Độ.<sup>49</sup> Vẫn cần xem xét tiếp liệu các thỏa thuận như vậy, vốn nhấn mạnh đến động lực của sự cạnh tranh các nguồn tài nguyên, có nhất thiết nghĩa là các cường quốc sẽ tỏ ra không thể tránh được căng thẳng gia tăng xoay quanh các nguồn dầu mỏ, hoặc liệu họ có thể tìm thấy các thỏa thuận hợp tác giúp thúc đẩy sự ổn định khu vực hay không.

Bất ngờ thay, cho đến nay chính Brazil (hợp tác với Thổ Nhĩ Kỳ) là thách thức trực tiếp lớn nhất đối với chiến lược của Mỹ ở Trung Đông. Trong nỗ lực chung nhằm ngăn chặn các động thái của Mỹ về trừng phạt Iran, Brazil và Thổ Nhĩ Kỳ thể hiện những sức mạnh mới hình thành của mình và khẳng định sự độc lập đối với trật tự an ninh do Mỹ dẫn đầu ở khu vực. Là những thành viên được đề cử trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, cả hai nước này đã có những nỗ lực đầu tiên trong việc thực hiện chiến lược mặc cả, nhưng sau đó chuyển hướng sang một chiến lược thuần ngăn chặn. Vẫn còn quá sớm để có thể nói liệu trò chơi mặc cả với Iran của họ sẽ có thực sự làm suy yếu những nỗ lực trừng phạt Iran hay không, nhưng lá phiếu của Thổ Nhĩ Kỳ chống lại Mỹ (mặc cho áp lực từ chính Tổng thống Obama) đã để lại một lỗ hổng lớn cho chế độ trừng phạt thông qua một nước láng

<sup>47</sup> Klare, *Rising Powers, Shrinking Planet*, tr. 195.

<sup>48</sup> David G. Victor and Linda Yueh, 'The New Energy Order', *Foreign Affairs*, vol. 89, no. 1, tháng 1-2/2010, tr. 61-73.

<sup>49</sup> Klare, *Rising Powers, Shrinking Planet*, pp. 203-4. Có thể xem thêm John Larkin, 'Iran, India Reach Accord to Work on Gas Deposits', *Wall Street Journal*, 3/10/2004.



giềng quan trọng của quốc gia bị nhắm đến. Đây thường là một tiêu chí cho thấy sự thất bại của chế độ trừng phạt đó. Tất nhiên, rất có thể ngoại giao của Mỹ sẽ thuyết phục hai chủ thể này quay lại với lập trường mặc cả, đặc biệt kể từ khi lập trường của Brazil – Thổ Nhĩ Kỳ bị suy yếu nhanh chóng với việc Trung Quốc và Nga nhanh chóng đồng ý với quyết định của Mỹ vẫn tiếp tục trừng phạt mặc cho thông báo về một dự thảo thỏa thuận giữa Iran, Thổ Nhĩ Kỳ và Brazil, một quyết định được đưa ra chỉ vài giờ trước khi Hội đồng Bảo an bỏ phiếu.

\*\*\*

Trong khu vực của mình, các cường quốc đang trỗi dậy rõ ràng đang tìm cách trở thành những cường quốc thống trị. Trong lĩnh vực tài chính, các nước này có vẻ sẵn sàng tham gia vào các nỗ lực xây dựng một bộ các thỏa thuận hiệu quả hơn, nhưng vẫn mặc cả cứng rắn về bản chất của các quy định và vị thế của các nước này trong các quy định đó. Tương tự, về các vấn đề an ninh, họ thường sẵn sàng hợp tác, đặc biệt là để ứng phó với các nguy cơ xuyên quốc gia, nhưng cũng kiên quyết đòi đóng vai trò lớn hơn trong việc ra quyết định. Thông thường, họ tìm cách ngăn chặn sáng kiến của các quốc gia chủ chốt. Tuy nhiên, trong tất cả những trường hợp này, nỗ lực của họ bị phức tạp hóa bởi lo ngại ngày càng gia tăng về sự trỗi dậy của những thành viên khác trong chính khối BRIC. Trong tất cả những cuộc họp thượng đỉnh của BRIC, căng thẳng trong nội khối vẫn vượt xa căng thẳng giữa bất cứ một thành viên nào với Mỹ. Ít nhất là trong ngắn hạn, cách tiếp cận của các cường quốc đang trỗi dậy đối với các vấn đề về trật tự toàn cầu có vẻ sẽ tập trung hơn vào việc khẳng định lợi ích của cá nhân từng nước và cân bằng với các nước khác, hơn là chỉ tìm cách thay đổi trật tự hiện có hoặc hướng đến ngăn chặn các động thái hướng về phía trước.

Các cường quốc đang trỗi dậy đang chơi một trò chơi phức tạp khi họ tìm cách nâng cao lợi ích của riêng mình, gây khó dễ cho các cường quốc đang trỗi dậy khác và vẫn thuyết phục Mỹ canh chừng cho hệ thống. Một mối quan ngại khác là tính toán sai, ngay cả nếu không có bất cứ quốc gia đang trỗi dậy nào đẩy Mỹ đi quá xa, hành động của họ nhìn chung có thể gây ra việc Washington trở nên ít sẵn sàng hơn để đóng vai trò lãnh đạo. Cùng lúc, bất cứ ai trong số họ cũng có thể gây ra sự sụp đổ của một sáng kiến quan trọng đơn giản chỉ bằng việc từ chối tham gia. Việc mặc cả cứng rắn của từng nước do đó có thể tình cờ biến thành cản trở tập thể. Điều này khó có thể là kết quả xấu nhất, nhưng vẫn mang đến nhiều nguy cơ cho hệ thống quốc tế.

----

## GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

### Mục đích

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng ý của độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

### Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

### Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

### Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).

### Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

### Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

### Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

### Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên cách trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

**Miễn trừ trách nhiệm**

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

**Liên lạc**

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).